

Số: 620 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 8 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 09 – 15/8/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 25,9 – 27,4°C; Cao nhất: 34,8°C; Thấp nhất: 22,3°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 80 – 89%; Thấp nhất: 50%.
- Tổng số giờ nắng: 49 – 56 giờ.
- Lượng mưa: 97 – 213 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, thời kỳ đầu tuần có mưa nhỏ vài nơi; thời kỳ giữa và cuối phổ biến mưa diện rộng, rải rác mưa vừa, có nơi mưa to đến rất to và dông. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Xuống giống 22.826 ha/22.185 ha, vượt 102,89% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: trổ-chín (10.278 ha), thu hoạch (12.548 ha).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Trái-thu hoạch	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.415
Xoài	Phát triển thân lá	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Thu hoạch	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Đào	Phát triển thân lá	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển thân lá	10.826

## **II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA**

**1. Trên cây lúa:** Các SVH chủ yếu: Bệnh đạo ôn cổ bông DTN 380 ha giảm 186 ha, bệnh bạc lá (cháy bìa) DTN 589 ha tăng 62 ha, bệnh lem lép hạt DTN 175 ha giảm 201 ha, chuột DTN 105 ha giảm 61 ha.

### **2. Cây trồng khác**

- Cây bắp: SVH chủ yếu là đóm lá nhỏ DTN 157 ha giảm 1 ha, bệnh rỉ sắt DTN 99 ha tăng 11 ha, sâu đục thân DTN 65 ha giảm 7 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 327 ha tăng 78 ha, bệnh sẹo DTN 45 ha tăng 17 ha.

+ Chôm chôm: Bệnh thối quả DTN 67 ha giảm 42 ha, bệnh cháy mép lá DTN 93 ha tăng 7 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mũ DTN 475 ha tăng 19 ha, bệnh nấm hồng DTN 220 ha tăng 33 ha.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 932 ha tăng 98 ha, bệnh chết chậm DTN 924 ha trong đó có 104 ha nhiễm nặng, tuyến trùng DTN 531 ha có 5 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 403 ha tăng 13 ha, bệnh nấm hồng DTN 100 ha giảm 26 ha.

+ Cây mì: Bọ phấn DTN 1.053 ha giảm 205 ha, bệnh vi khuẩn DTN 230 ha tăng 173 ha, bệnh khảm lá virus DTN 115,1 ha tăng 7,7 ha so với kỳ trước, trong đó có 74 ha nhiễm nhẹ, 15 ha nhiễm trung bình, 26,1 ha nhiễm nặng. Diện tích nhiễm trên địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Nhơn Trạch.

## **III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn, bệnh bạc lá, sâu cuốn lá, bệnh lem lép hạt, chuột.

- Cây bắp: Chú ý sâu đục thân, bắp, đóm lá nhỏ.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nháy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mũ, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, bệnh loét (cây có múi); bệnh thối trái, rệp sáp (chôm chôm).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá (mì).

#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số công văn số 4239/BNN-BVTV, ngày 4/6/2018 về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL, LXL hại lúa của Bộ NN&PTNT.

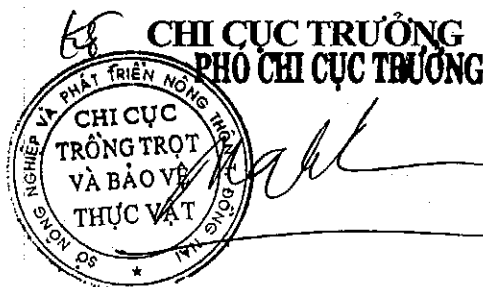
- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 4142/BNN-BVTV, ngày 30/5/2018 về việc Phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn của Bộ NN&PTNT.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trên cây thanh long (đốm nâu), hồ tiêu (chết nhanh, chết chậm), điều (thán thư), thối trái (chôm chôm, sầu riêng).

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú

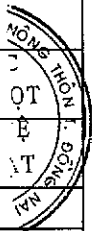


**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 09/8 đến ngày 15/8/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		324	3	0	327	0	78.0	74.0	350	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Bệnh sọc	Các giai đoạn	5 - 8		45	0	0	45	0	17.0	-1.0	11	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh loét	Ra lá non	7		35	0	0	35	0	10.0	-58.0	130	Vĩnh Cửu
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		32	0	0	32	0	27.0	-38.0	0	Định Quán
	Rệp muội	Các giai đoạn	13		20	0	0	20	0	15.0	20.0	20	Tân Phú
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	10		90	3	0	93	0	-7.0	35.0	23	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh thối quả	Thu hoạch	5		67	0	0	67	0	-42.0	-37.0	25	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh muội đen	Các giai đoạn	1 - 10		40	2	0	42	0	-13.0	-9.0	5	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		102	6	0	108	0	3.0	-86.0	40	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	11		35	0	0	35	0	2.0	-111.0	30	Thống Nhất
	Bệnh chùn đọt VR	Các giai đoạn	18		27	0	0	27	0	0.0	1.0	19	Thống Nhất
Dừa	Bọ cánh cứng	Các giai đoạn	5	20	20	2	0	22	0	-30.0	22.0	30	Nhơn Trạch
	Đuông	Các giai đoạn	10		18	0	0	18	0	-8.0	18.0	30	Nhơn Trạch
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		25	0	0	25	0	0.0	25.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	0.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Thu hoạch	5 - 10		475	0	0	475	0	19.0	218.0	206	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất

	Bệnh cháy lá, chết đọt	Thu hoạch	7 - 10		288	0	0	288	0	1.0	194.0	106	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Thu hoạch	10 - 15		220	0	0	220	0	33.0	100.0	132	Tân Phú, Cầm Mỹ, TX Long Khánh
	Rầy bông	Thu hoạch	5 - 10		133	0	0	133	0	15.0	13.0	127	Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10		74	19	5	98	0	0.0	-21.0	0	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		201	0	0	201	0	-22.0	140.0	0	Định Quán
	Bệnh cháy lá	Phát triển thân lá	7		150	0	0	150	0	0.0	137.0	50	Xuân Lộc
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc bông trái	10 - 17		34	0	0	34	0	2.0	8.0	30	Thống Nhất, Trảng Bom
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		726	8	0	734	0	50.0	164.0	122	Cầm Mỹ, Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		414	2	0	416	0	4.0	201.0	12	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		282	14	0	296	0	6.0	151.0	16	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Cao su	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	7 - 20		496	2	0	498	0	187.0	368.0	257	Tân Phú, Long Thành, Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	3 - 13		470	0	0	470	0	5.0	186.0	0	Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	4 - 10		401	2	0	403	0	13.0	110.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16		100	0	0	100	0	-26.0	24.0	0	Cầm Mỹ, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10	25	76	8	0	84	0	2.0	-112.0	25	Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		886	46	0	932	0	98.0	173.0	129	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Long Thành, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	791	29	104	924	0	8.0	301.0	424	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, TX Long Khánh, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	15 - 22	580	22	1	603	0	-9.0	63.0	17	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Định

													Quán, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	479	47	5	531	0	-3.0	8.0	104	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4 - 15	148	9	2	159	0	3.0	64.0	63	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Mía	Sâu đục thân	Các giai đoạn	5 - 10		85	0	0	85	0	21.0	64.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bọ phân	Các giai đoạn	5		1053	0	0	1053	0	-205.0	1,053.0	205	Long Thành
	Bệnh vi khuẩn	Phát triển củ	5 - 10		230	0	0	230	0	173.0	27.0	150	Long Thành, Nhon Trạch, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	1 - 100	30 - 100	74	15	26.1	115.1	0	7.7	115.1	92.6	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Nhon Trạch, Long Thành, Trảng Bom
Keo	Bệnh chết héo	2 năm	.2 - .5		12	0	0	12	0	0.0	12.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Đóm lá nhỏ	Chín sữa	15 - 20		157	0	0	157	0	-1.0	74.0	0	Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất
	Bệnh rỉ sắt	loa kèn	15		96	3	0	99	0	11.0	70.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Sâu đục thân, bắp	Nuôi trái	10		65	0	0	65	0	-7.0	36.0	0	Cẩm Mỹ
	Rệp ngô	Nuôi trái	15		47	0	0	47	0	5.0	20.0	0	Cẩm Mỹ
	Bệnh đóm nâu	Nuôi trái	20		42	0	0	42	0	-5.0	7.0	0	Long Thành
Lúa	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Trở chín-thu hoạch	10 - 20	30	569	20	0	589	0	62.0	529.0	253	Xuân Lộc, Nhon Trạch, TX Long Khánh, Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ
	Bệnh đạo ôn lá	Trở chín-thu hoạch	5 - 10		403	0	0	403	0	-133.0	112.0	243	Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Trở chín-thu hoạch	3 - 5	8	340	40	0	380	0	-186.0	175.0	308	Định Quán, Nhon Trạch, Tân Phú, Long Thành, Cẩm Mỹ
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Trở chín-thu hoạch	7 - 10		175	0	0	175	0	-201.0	-66.0	335	Nhon Trạch, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Bệnh khô vằn	Trở chín-thu hoạch	5 - 20		150	0	0	150	0	-4.0	76.0	20	Nhon Trạch, Xuân Lộc
	Nhện gié	Trở chín-thu hoạch	10 - 15		110	0	0	110	0	-12.0	30.0	0	Nhon Trạch, Long Thành
	Chuột	Trở chín-thu hoạch	3 - 5		105	0	0	105	0	-61.0	86.0	15	Nhon Trạch, Tân Phú



	Bọ xít dài (hôi)	Trở chín-thu hoạch	4 - 5		46	0	0	46	0	-8.0	16.0	35	Long Thành, TX Long Khánh
	Rầy nâu	Trở chín-thu hoạch	120		25	0	0	25	0	-16.0	-62.0	22	Xuân Lộc, Thống Nhất
Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20		2	0	0	2	0	-4.0	-1.0	2	Nhon Trạch
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	30		1	0	0	1	0	-4.0	-5.0	1	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10		13	1	0	14	0	-2.0	14.0	2	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10		3	0	0	3	0	-4.0	-4.0	1	Trảng Bom, Nhon Trạch
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		16	2	0	18	0	2.0	-3.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10		4.5	0.5	0	5	0	-2.0	-5.0	1	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	10		2	0	0	2	0	-3.0	-5.0	1	Nhon Trạch
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	20		2	0	0	2	0	-1.0	-6.0	1	Nhon Trạch
Rau cải ăn lá	Bọ nhậy	Các giai đoạn	9 - 15		17	0	0	17	0	4.5	-5.0	17	Tân Phú, Trảng Bom, Định Quán, TP Biên Hòa, Vĩnh Cửu
	Sâu tơ	Các giai đoạn	10		16	0	0	16	0	-4.0	14.0	16	Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		2.5	0.5	0	3	0	-1.0	1.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	0.0	-1.0	0	Trảng Bom